

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2021/HS-ST
Ngày 12/11/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Hải.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Tiến Dũng và bà Nguyễn Thị Huyền.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Bôn và ông Đào Xuân Thiều - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 11 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 46/2021/TLST-HS ngày 22 tháng 10 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2021/QĐXXST- HS ngày 29 tháng 10 năm 2021, đối với bị cáo:

Họ và tên: Vũ Tuấn D, sinh năm 1975, tại Nam Định; nơi ĐKKHKT: Tổ 1, phường H, thành phố P, tỉnh Hà Nam; chỗ ở: Số nhà 27, khu tập thể Công an, tổ dân phố H, phường T, thành phố P, tỉnh Hà Nam; nghề nghiệp, chức vụ: Đội trưởng Đội 2 - Phòng Cảnh sát QLHC về TTXH Công an tỉnh Hà Nam; ngày 03/2/2020 bị đình chỉ công tác theo Quyết định số 151/QĐ-CAT-PX01 của Giám đốc Công an tỉnh Hà Nam; ngày 11/3/2020 Bộ trưởng Bộ Công an tước danh hiệu Công an nhân dân theo Quyết định số 1692/QĐ-BCA-X01; Đảng, đoàn: Đảng viên Đảng CSVN, ngày 13/3/2020 UBKT Đảng ủy Công an tỉnh Hà Nam ra Quyết định đình chỉ sinh hoạt đảng số 678-QĐ/UBKT; trình độ văn hóa: 12/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Quang T (chết năm 2015) và bà Trần Thị K, sinh năm 1949; Gia đình có 02 anh em, bị can là thứ nhất; có vợ là Phạm Thị Lan A, sinh năm 1973, đã ly hôn tháng 7/2020 và có 02 con, lớn sinh năm 2003, nhỏ sinh năm 2010; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giam ngày 12/3/2020, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hà Nam; có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo Vũ Tuấn D: Ông Vũ Văn L- Luật sư Công ty Luật TNHH S, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Hà Nam; có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Công an tỉnh Hà Nam; người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Quốc H - Giám đốc Công an tỉnh Hà Nam; người đại diện theo ủy quyền: Bà Dương Thị Lệ H- Đội trưởng Đội Tài chính, Phòng Hậu cần Công an tỉnh Hà Nam; vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Ông Trần Nghiệp P, sinh năm 1975; trú tại: Số 1 L, phường N, thành phố N, tỉnh Ninh Bình; có mặt.

+ Bà Trần Thị Diệu T, sinh năm 1977; trú tại: Số nhà 15, khu Tập thể C, tổ dân phố H, phường T, thành phố P, tỉnh Hà Nam; vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Ông Nguyễn Ngọc B, sinh năm 1972; trú tại: Tổ dân phố B, phường T, thành phố P, tỉnh Hà Nam; vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Ông Lại Văn T, sinh năm 1958; trú tại: Tổ 5, phường L, thành phố P, tỉnh Hà Nam; vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Anh Lê Hữu N, sinh năm 1986; trú tại: Tổ 2, phường Q, thành phố P, tỉnh Hà Nam; vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Anh Nguyễn Tuấn A, sinh năm 1995; trú tại: Thôn D, xã S, huyện K, tỉnh Hà Nam; vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Phạm Thị Lan A, sinh năm 1973; trú tại: Số nhà 27, khu tập thể C, tổ dân phố H, phường T, thành phố P, tỉnh Hà Nam; có mặt.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Trần Thị Diệu T: Luật sư Lê Hồng H - Công ty luật TNHH H & Công sự thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội; địa chỉ: Số 3 T, phường H, quận C, thành phố Hà Nội; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong thời gian từ tháng 6/2013 đến tháng 9/2019, Vũ Tuấn D giữ chức vụ Đội trưởng Đội đăng ký, quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ, ngành nghề kinh doanh có điều kiện về an ninh trật tự và con dấu (Đội 2) - Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội (QLHC về TTXH) Công an tỉnh Hà Nam. Vũ Tuấn D được giao nhiệm vụ tổ chức tiếp nhận hồ sơ, làm thủ tục báo cáo trình lãnh đạo Phòng Cảnh sát QLHC về TTXH cấp giấy phép vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp (VLNCN); tổng hợp, báo cáo đề xuất việc thu nộp lệ phí cấp giấy phép vận chuyển VLNCN trình lãnh đạo phòng ký duyệt nộp về Phòng Hậu cần Công an tỉnh Hà Nam để nộp vào ngân sách Nhà nước.

Thực hiện sự phân công của Lãnh đạo Phòng Cảnh sát QLHC về TTXH, từ năm 2013 đến năm 2015 việc thu, nộp lệ phí cấp Giấy phép vận chuyển VLNCN do Vũ Tuấn D thực hiện; từ năm 2015 đến ngày 30/9/2019 được giao cho cán bộ tiếp dân là các ông Nguyễn Anh V, Lê Hữu N và Nguyễn Tuấn A thực hiện. Với chức vụ Đội trưởng Đội 2, Vũ Tuấn D chỉ đạo các ông V, N, Tuấn A chỉ thực hiện nhiệm vụ tiếp nhận hồ sơ, trả Giấy phép vận chuyển VLNCN còn việc viết biên lai, thu lệ phí, báo cáo đề xuất lãnh đạo phòng phê duyệt nộp về Phòng Hậu cần do Vũ Tuấn D thực hiện.

Ngày 11/9/2019, ông Trần Nghiệp P - Trưởng phòng Cảnh sát QLHC về TTXH có báo cáo số 178/BC-PC06 đề xuất Giám đốc Công an tỉnh chỉ đạo các đơn vị chức năng rà soát, thống kê làm rõ số tiền lệ phí cấp giấy phép VLNCN mà Vũ Tuấn D đã thu nhưng chưa nộp về phòng Hậu cần và có hình thức xử lý cán bộ theo quy định. Ngày 14/10/2019, Giám đốc Công an tỉnh Hà Nam ban hành Quyết định số 679/QĐ-CAT-PX05 về kiểm tra việc thu, nộp lệ phí cấp giấy phép vận chuyển VLNCN tại phòng Cảnh sát QLHC về TTXH. Ngày 15/01/2020, Giám đốc Công an tỉnh Hà Nam ban hành Kết luận số 07/KL-CAT-PX05 kết luận về những sai phạm của Vũ Tuấn D, đồng thời chuyển hồ sơ thanh tra đến Cơ quan điều tra Công an tỉnh để xác minh xử lý theo quy định pháp luật. Kết quả điều tra cụ thể như sau:

Theo quy định tại thông tư 193/2010/TT- BTC ngày 02/12/2010 của Bộ Tài chính thì mức thu lệ phí cấp giấy phép vận chuyển VLNCN dưới 5 tấn là 50.000 đồng/ 01 giấy phép; từ 5 tấn - 15 tấn là 100.000 đồng/ 01 giấy phép; trên 15 tấn là 150.000 đồng/ 01 giấy phép và hàng tuần phải lập bảng kê, gửi tiền phí, lệ phí đã thu vào tài khoản mở tại Kho bạc nhà nước. Theo quy định tại Thông tư số 218/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính (thay thế Thông tư số 193/2010) thì chậm nhất là ngày 05 hàng tháng, tổ chức thu phí phải gửi số tiền phí đã thu của tháng trước vào tài khoản phí chờ nộp ngân sách mở tại Kho bạc nhà nước.

Từ ngày 01/6/2013 đến 30/9/2019, Phòng Cảnh sát QLHC về TTXH tiếp nhận, giải quyết 21.295 hồ sơ cấp giấy phép vận chuyển VLNCN, tương ứng với số tiền lệ phí phải thu là 1.807.000.000 đồng, trong đó:

+ Từ ngày 01/6/2013 đến 30/9/2015, phòng Cảnh sát QLHC về TTXH do ông Nguyễn Văn M làm Trưởng phòng đã tiếp nhận và cấp 2.815 giấy phép, tổng số tiền lệ phí phải thu là 206.550.000 đồng. Trong đó, ông Nguyễn Văn M ký cấp 2.703 giấy phép = 197.600.000 đồng; ông Lại Văn T, Phó Trưởng phòng ký cấp 112 giấy phép = 8.950.000 đồng. Khi D đề xuất nộp tiền lệ phí cấp giấy phép VLNCN về phòng Hậu cần, ông Nguyễn Văn M ký duyệt 12 phiếu đề xuất với số giấy phép vận chuyển VLNCN đã cấp là 2.721 giấy,

số tiền phải nộp vào ngân sách nhà nước là 190.150.000 đồng, nhưng Vũ Tuấn D chỉ ghi trong đề xuất số tiền nộp về phòng Hậu cần để nộp ngân sách nhà nước là 162.750.000 đồng, còn lại 27.400.000 đồng (190.150.000 đồng - 162.750.000 đồng) Vũ Tuấn D không nộp về phòng Hậu cần mà chiếm hưởng, ông M thiếu kiểm tra nên đã ký duyệt đề xuất của D.

Tương tự như vậy, D đề xuất ông Lại Văn T ký 01 phiếu đề xuất với số giấy phép đã cấp là 194 giấy, số tiền lệ phí phải nộp về phòng Hậu cần của 194 giấy phép là 16.400.000 đồng, nhưng D chỉ ghi số tiền phải nộp về phòng Hậu cần là 14.000.000 đồng, còn lại 2.400.000 đồng D chiếm hưởng cá nhân, ông T thiếu kiểm tra nên đã ký duyệt đề xuất của D.

+ Từ ngày 01/10/2015 đến 30/9/2019, Phòng Cảnh sát QLHC về TTXH do ông Trần Nghiệp P làm Trưởng phòng đã tiếp nhận và cấp 18.480 giấy phép, số tiền lệ phí phải thu theo quy định là 1.600.450.000 đồng. Trong đó, ông Trần Nghiệp P ký cấp 17.358 giấy phép = 1.505.650.000 đồng; ông Nguyễn Ngọc B, Phó trưởng phòng ký cấp 1.122 giấy phép = 94.800.000 đồng. Khi D đề xuất nộp tiền lệ phí cấp giấy phép VLNCN về phòng Hậu cần, ông Trần Nghiệp P ký duyệt 33 phiếu đề xuất với số giấy phép vận chuyển VLNCN đã cấp là 17.564 giấy phép, số tiền phải nộp vào ngân sách nhà nước là 1.529.700.000 đồng, nhưng Vũ Tuấn D chỉ ghi trong đề xuất nộp số tiền lệ phí về phòng Hậu cần của 33 phiếu đề xuất là 1.032.050.000 đồng, còn lại 497.650.000 đồng Vũ Tuấn D chiếm hưởng, ông Trần Nghiệp P thiếu kiểm tra nên đã ký duyệt đề xuất của Vũ Tuấn D.

Tương tự như vậy, ông Nguyễn Ngọc B ký duyệt 02 phiếu đề xuất, với tổng số giấy phép vận chuyển VLNCN đã cấp là 916 giấy phép, số tiền lệ phí phải thu nộp ngân sách là 70.750.000 đồng, nhưng Vũ Tuấn D chỉ đề xuất nộp số tiền lệ phí về phòng Hậu cần của 916 giấy phép là 37.050.000 đồng, còn lại 33.700.000 đồng Vũ Tuấn D chiếm hưởng, ông B thiếu kiểm tra nên đã ký duyệt đề xuất.

Ngày 28/10/2019, Phòng Hậu cần bàn giao cho Cơ quan CSĐT Công an tỉnh các tài liệu có liên quan đến việc giao nộp tiền lệ phí cấp giấy phép vận chuyển VLNCN của phòng Cảnh sát về QLHC và TTXH về phòng Hậu cần (ký hiệu từ A31 – A 126) để phục vụ công tác điều tra, giải quyết vụ án. Sau khi xác minh, làm rõ ngày 11/12/2020, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh đã bàn giao lại các chứng từ gốc cho phòng Hậu cần theo quy định.

Ngày 27/2/2020, Cơ quan CSĐT khai thác các tài liệu liên quan đến việc cấp giấy phép vận chuyển VLNCN tại phòng Cảnh sát QLHC về TTXH và ngày 21/4/2020 xác minh tại Chi nhánh công nghiệp hóa chất mỏ Hà Nam, địa chỉ phường L, thành phố P. Kết quả xác minh cho thấy, số liệu cấp giấy

phép vận chuyển VLNCN của phòng Cảnh sát QLHC về TTXH và Chi nhánh công nghiệp hóa chất mỏ Hà Nam đã làm thủ tục đề nghị và được phòng Cảnh sát về QLHC và TTXH Công an tỉnh cấp là 21.295 giấy phép vận chuyển VLNCN tương ứng số tiền lệ phí cấp giấy phép theo quy định là 1.807.000 đồng.

Ngày 12/3/2020, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh thi hành lệnh bắt bị can để tạm giam, lệnh khám xét khám xét chỗ ở và nơi làm việc đối với Vũ Tuấn D, quá trình khám xét đã phát hiện và thu giữ tại chỗ ở của Vũ Tuấn D 30 tờ giấy A4 là tài liệu photocopy có nội dung Vũ Tuấn D nhiều lần giao tiền cho bà Trần Thị Diệu T - Cán bộ phòng Cảnh sát QLHC về TTXH Công an tỉnh, tổng số tiền 120.000.000 đồng.

Ngày 20/5/2020, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Quyết định trưng cầu giám định số 66/CSKT, trưng cầu phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh giám định chữ viết, chữ ký của Vũ Tuấn D và Trần Thị Diệu T ở mục người nhận và người nộp tiền trên 30 tờ giấy A4 là tài liệu photocopy thu giữ khi khám xét (ký hiệu từ A1 - A30). Tại bản Kết luận giám định số 09/PC09-TL, ngày 26/5/2020, của phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hà Nam kết luận: “1. Tài liệu cần giám định ký hiệu từ A1 đến A30 là tài liệu photocopy; 2. Chữ viết, chữ ký ghi danh Vũ Tuấn D; Trần Thị Diệu T và chữ viết phần nội dung trên tài liệu cần giám định ký hiệu từ A1 đến A30 là tài liệu photocopy nên không tiến hành giám định”.

Ngày 02/11/2020, Cơ quan CSĐT quyết định trưng cầu giám định số 147/CSKT, trưng cầu phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hà Nam, giám định chữ ký tại 48 tờ giấy nộp tiền lệ phí cấp giấy phép VLNCN và tại 47 phiếu thu tiền lệ phí liên quan số tiền 1.245.850.000 đồng. Tại Bản kết luận giám định chữ ký số 30/PC09-TL, ngày 17/11/2020 của phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hà Nam, kết luận: “(1) Chữ ký đứng tên Vũ Tuấn D dưới mục “Người nộp tiền” trên tài liệu cần giám định ký hiệu từ A31 đến A57, từ A60 đến A76 và chữ ký dưới mục “Người nộp” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A82, từ A84 đến A125 so với chữ ký của Vũ Tuấn D trên tài liệu mẫu ký hiệu từ M10 đến M14 là do cùng một người ký ra. (2) Chữ ký đứng tên Vũ Tuấn D dưới mục “Người nộp tiền” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A58, A59 và A77 là chữ ký sao chụp nên không tiến hành giám định. (3) Chữ ký đứng tên Vũ Tuấn D và chữ ký không đứng tên dưới mục “Người nộp tiền” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A79, A80, A81 và A83 khác dạng so với chữ ký của Vũ Tuấn D trên tài liệu mẫu ký hiệu từ M10 đến M14 nên không đủ cơ sở kết luận có phải do cùng một người ký ra hay không. (4) Chữ ký đứng tên “Trưởng phòng- Trung tá Trần Nghiệp P”, “Trưởng phòng - Thượng tá Trần Nghiệp P” và chữ ký không đứng tên dưới mục “Lãnh đạo phòng PC64” trên

tài liệu cần giám định ký hiệu từ A46 đến A57, từ A60 đến A76, A78 so với chữ ký của Trần Nghiệp P trên tài liệu mẫu ký hiệu từ M15 đến M19 là do cùng một người ký ra. (5) Chữ ký đứng tên “Trưởng phòng - Trung tá Trần Nghiệp P”, “Trưởng phòng - Thượng tá Trần Nghiệp P” dưới mục “Lãnh đạo phòng PC64” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A58, A59 và A77 là chữ ký sao chụp nên không tiến hành giám định. (6) Chữ ký đứng tên “Phó Trưởng phòng - Trung tá Nguyễn Ngọc B”, dưới mục “Lãnh đạo phòng PC64” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A31, A32 so với chữ ký Nguyễn Ngọc B trên tài liệu mẫu ký hiệu từ M20 đến M23 là do cùng một người ký ra. (7) Chữ ký đứng tên “Phó Trưởng phòng - Thượng tá Lại Văn T”, dưới mục “Lãnh đạo phòng PC64” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A33 so với chữ ký Lại Văn T trên tài liệu mẫu ký hiệu từ M24, M25 là do cùng một người ký ra”.

Ngày 18/6/2020, ông Trần Nghiệp P giao nộp cho Cơ quan CSĐT Công an tỉnh 01 USB nhãn hiệu Kingston vỏ màu bạc có chữ DTSE9G2 USB 304 GB, bên trong có chứa 02 tệp âm thanh, do ông P ghi âm lại cuộc nói chuyện qua điện thoại với Vũ Tuấn D, được niêm phong trong bì thư (ký hiệu MGD). Ngày 18, 19/6/2020, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh tiến hành ghi âm giọng nói của ông Trần Nghiệp P và Vũ Tuấn D được lưu giữ trong 02 USB đều có ký hiệu Kingston vỏ màu đen DATA TRAVELER 100G316GB, được niêm phong trong 02 bì thư có ký hiệu “MSS Dũng” và “MSS Phong”. Tại bản kết luận giám định số 4041/C09-P6, ngày 24/8/2020 của Viện Khoa học hình sự Bộ Công an kết luận: “Do tiếng nói mẫu so sánh của Trần Nghiệp P và Vũ Tuấn D có chất lượng kém, nên không đủ điều kiện đưa ra kết luận giám định. Nội dung trong hai tệp âm thanh ghi mẫu cần giám định đã được dịch ra thành văn bản”. Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Hà Nam đã làm rõ “Bản dịch ra thành văn bản” gửi kèm theo kết luận giám định, theo đó trong bản dịch của người hội thoại “Nam 1” là của Trần Nghiệp P, người hội thoại “Nam 2” là của Vũ Tuấn D.

Quá trình kiểm tra, xác minh việc thu nộp lệ phí cấp giấy phép vận chuyển VLNCN tại phòng Cảnh sát QLHC về TTXH, Vũ Tuấn D báo cáo từ ngày 01/6/2013 đến ngày 30/9/2019, số tiền lệ phí cấp giấy phép vận chuyển VLNCN đã thu nhưng chưa nộp về phòng Hậu cần để nộp vào ngân sách Nhà nước là 689.000.000 đồng, số tiền này được bảo quản tại tủ ở phòng làm việc của Vũ Tuấn D. Ngày 19/12/2019, Đoàn kiểm tra Công an tỉnh Hà Nam tiến hành kiểm tra thu giữ số tiền 689.000.000 đồng và giao cho Phòng Hậu cần quản lý chờ xử lý theo quy định. Cơ quan CSĐT đã làm rõ số tiền 689.000.000 đồng thu giữ tại tủ làm việc của Vũ Tuấn D là do Vũ Tuấn D vay mượn của người thân để vào tủ để khắc phục số tiền Dũng đã chiếm đoạt. Ngày 16/3/2020, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh đã chuyển nộp số tiền

561.150.000 đồng vào tài khoản tạm giữ của Công an tỉnh Hà Nam; số tiền còn lại 127. 850.000 đồng được giao lại cho chị Phạm Thị Lan A là vợ Vũ Tuấn D.

Tại bản Cáo trạng số 34/CT-VSK - P1 ngày 30/7/2021, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam đã truy tố Vũ Tuấn D về tội “Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản”, theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 355 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa ngày 30/8/2021, chị Phạm Thị Lan A giao nộp cho Hội đồng xét xử 01 quyển sổ ghi chép có chứa nội dung giao nhận tiền giữa Vũ Tuấn D và bà Trần Thị Diệu T- Cán bộ Phòng Cảnh sát QLHC về TTXH Công an tỉnh Hà Nam.

Căn cứ đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa, tại Quyết định trả hồ sơ Số 01/2021/HSST- QĐ ngày 30/8/2021 của Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam quyết định: Trả hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam để điều tra bổ sung những vấn đề sau đây:

- Làm rõ tính xác thực của tài liệu là quyển sổ ghi chép có chứa nội dung giao nhận tiền giữa Vũ Tuấn D và bà Trần Thị Diệu T, do bà Phạm Thị Lan A giao nộp cho Hội đồng xét xử tại phiên tòa;
- Làm rõ nguồn gốc, lý do, mục đích bị cáo Vũ Tuấn D đưa cho bà Trần Thị Diệu T số tiền 120 triệu đồng;
- Xem xét trách nhiệm pháp lý của những người có liên quan đến số tiền 120.000.000 đồng.

Sau khi điều tra bổ sung các nội dung trên, tại Văn bản số 2121/CV-VKS-P2 ngày 21/10/2021, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam giữ nguyên Bản Cáo trạng số 34/CT-VSK - P1 ngày 30/7/2021.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 355; điểm b, s, v khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 38; Điều 50 Bộ luật Hình sự; đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Vũ Tuấn D phạm tội “Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản”; xử phạt bị cáo Vũ Tuấn D từ 12 năm đến 13 năm tù; phạt bổ sung đối với bị cáo từ 30 triệu đồng đến 35 triệu đồng nộp ngân sách Nhà nước.

Quan điểm của người bào chữa cho bị cáo: Nhất trí với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về tội danh và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự áp dụng đối với bị cáo Vũ Tuấn D. Tuy nhiên, về khung hình phạt, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét vì trong tổng số tiền lệ phí cấp giấy phép vận chuyển VLNCN không nộp vào ngân sách Nhà nước thì có 120.000.000 đồng bị cáo

Vũ Tuấn D nộp cho chị Trần Thị Diệu T. Như vậy, bị cáo Vũ Tuấn D chỉ chiếm đoạt với số tiền là 441.150.000 đồng. Do đó, hành vi của bị cáo Vũ Tuấn D chỉ phạm vào khoản 2 Điều 355 Bộ luật hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

Tại phiên tòa, bị cáo Vũ Tuấn D nhất trí với quan điểm người bào chữa và cho rằng trong tổng số tiền lệ phí cấp phép vận chuyển VLNCN 561.150.000 đồng không nộp về Phòng Hậu cần để nộp vào ngân sách Nhà nước, có 120.000.000 đồng bị cáo nộp cho chị Trần Thị Diệu T là do thực hiện theo chỉ đạo của Trưởng phòng là ông Nguyễn Văn M và ông Trần Nghiệp P; chị T biết đây là số tiền lấy từ nguồn lệ phí cấp phép vận chuyển VLNCN. Vì vậy, bị cáo không phải chịu trách nhiệm hình sự và trách nhiệm bồi thường đối với số tiền này. Quá trình điều tra bị cáo đã thành khẩn khai báo; đã tự nguyện bồi thường; quá trình công tác đã có thành tích xuất sắc, được Chủ tịch nước tặng Huy chương chiến sĩ vẻ vang, Bộ trưởng Bộ Công an tặng Bằng khen và được Công an tỉnh, UBND tỉnh tặng nhiều Giấy khen; hiện tại bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, có mẹ già bị ung thư, vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt. Đối với số tiền 120.000.000 đồng bị cáo nộp cho chị Trần Thị Diệu T, bị cáo không yêu cầu chị T hoàn trả cho bị cáo.

Ông Trần Nghiệp P cho rằng không chỉ đạo Vũ Tuấn D hàng tháng nộp tiền cho chị Trần Thị Diệu T; không biết việc Vũ Tuấn D chiếm đoạt tiền lệ phí cấp giấy vận chuyển VLNCN.

Quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Trần Thị Diệu T: Bà Trần Thị Diệu T có nhận của bị cáo Vũ Tuấn D số tiền 120.000.000 đồng, nhưng đây là số tiền của cá nhân bị cáo cho bà T. Việc bị cáo D khai bà T biết số tiền này được lấy từ nguồn lệ phí cấp phép vận chuyển VLNCN là không có căn cứ. Vì vậy, nhất trí với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Hà Nam, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người

tiến hành tố tụng đã thực hiện điều hợp pháp.

[2] Về tội danh:

Xét thấy việc bị cáo Vũ Tuấn D cho rằng trong số tiền lệ phí cấp phép vận chuyển VLNCN không nộp về Phòng Hậu cần để nộp vào ngân sách Nhà nước, có 120.000.000 đồng bị cáo nộp cho chị Trần Thị Diệu T là do thực hiện theo chỉ đạo của Trưởng phòng là ông Nguyễn Văn M, ông Trần Nghiệp P nên bị cáo không phải chịu trách nhiệm hình sự và trách nhiệm bồi thường đối với số tiền đã nộp cho chị T là không có căn cứ. Bởi lẽ, ông P khẳng định không biết và không chỉ đạo bị cáo Vũ Tuấn D nộp tiền cho chị T như bị cáo khai; chị T cho rằng đây là khoản tiền của cá nhân bị cáo D đưa để mua nước ngọt, hoa quả, bánh kẹo sử dụng chung và cho chị do chị giúp đỡ bị cáo trong quá trình công tác, chị không biết nguồn gốc số tiền đó do bị cáo D lấy từ tiền thu lệ phí cấp Giấy phép vận chuyển VLNCN; ngoài ra, tại phiên tòa, bị cáo D khai ông P chỉ đạo bị cáo hàng tháng nộp cho chị T 2.000.000 đồng nhưng không xác định lấy từ nguồn nào. Như vậy, việc bị cáo Vũ Tuấn D nộp cho chị T tổng số 120.000.000 đồng là do tự ý bị cáo lấy từ nguồn lệ phí cấp giấy phép nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự và trách nhiệm dân sự đối với số tiền này.

Căn cứ các tài liệu là chứng cứ thu giữ là các biên lai, chứng từ, tài liệu, sổ sách liên quan đến việc cấp Giấy phép vận chuyển VLNCN của Công an tỉnh Hà Nam từ ngày 01/6/2013 đến ngày 30/9/2019; kết luận giám định; lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và căn cứ một phần lời khai của bị cáo Vũ Tuấn D, đủ cơ sở kết luận: Trong thời gian từ ngày 01/6/2013 đến ngày 30/9/2019, Vũ Tuấn D giữ chức vụ Đội trưởng Đội 2, Phòng Cảnh sát QLHC về TTXH – Công an tỉnh Hà Nam. Theo phân công của lãnh đạo Phòng Cảnh sát QLHC về TTXH, Quy chế của phòng Phòng Cảnh sát QLHC về TTXH và Quy chế của Đội 2 thì Vũ Tuấn D được giao nhiệm vụ tổ chức thực hiện việc tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả và thu lệ phí cấp Giấy phép vận chuyển VLNCN, tổng hợp, báo cáo đề xuất trình Lãnh đạo phòng ký duyệt số tiền đã thu nộp vào ngân sách Nhà nước thông qua Phòng Hậu cần; việc thu lệ phí và viết biên lai được giao cho cán bộ trả giấy phép. Trong thời gian này, Vũ Tuấn D đã lạm dụng chức vụ, quyền hạn được giao, trực tiếp thu lệ phí và viết biên lai để cấp 21.295 giấy phép vận chuyển VLNCN, với số tiền lệ phí phải thu theo quy định là 1.807.000.000 đồng, nhưng chỉ đề xuất lãnh đạo Phòng Cảnh sát QLHC về TTXH ký duyệt nộp về Phòng Hậu cần để nộp ngân sách Nhà nước số tiền 1.245.850.000 đồng; số tiền còn lại là 561.150.000 đồng, Vũ Tuấn D chiếm đoạt. Trong đó: Vũ Tuấn D đề xuất ông Nguyễn Văn M phê duyệt 12 phiếu đề xuất nộp tiền thu lệ phí về Phòng Hậu cần, Vũ Tuấn D chiếm đoạt 27.400.000 đồng; ông Lại Văn T phê duyệt 01 phiếu đề xuất, Vũ

Tuấn D chiếm đoạt 2.400.000 đồng; ông Trần Nghiệp P phê duyệt 33 phiếu đề xuất, Vũ Tuấn D chiếm đoạt 497.650.000 đồng; ông Nguyễn Ngọc B phê duyệt 02 phiếu đề xuất, Vũ Tuấn D chiếm đoạt 33.700.000 đồng.

Hành vi nêu trên của bị cáo Vũ Tuấn D đã phạm vào tội “Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 3 Điều 355 Bộ luật Hình sự.

Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam truy tố bị cáo Vũ Tuấn D là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của bị cáo Vũ Tuấn D là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm hoạt động đúng đắn của cơ quan quan Nhà nước, đồng thời xâm phạm đến tài sản của Nhà nước. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm minh theo quy định của pháp luật đối với bị cáo nhằm giáo dục riêng bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung cho xã hội.

[3] Về nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự:
Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại Cơ quan Điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Vũ Tuấn D đã thành khẩn khai báo hành vi phạm tội của mình; tự nguyện bồi thường toàn bộ số tiền chiếm đoạt; quá trình công tác bị cáo có thành tích xuất sắc, được Chủ tịch nước tặng Huy chương chiến sĩ vẻ vang hạng nhì và hạng ba, Bộ trưởng Bộ Công an Bằng khen được Cục Cảnh sát QLHC về TTXH, Công an tỉnh Hà Nam, Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Hà Nam tặng Giấy khen- Là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s, v khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “Phạm tội từ 02 lần trở lên” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[4] Về hình phạt:

Về hình phạt chính: Căn cứ tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xét thấy cần phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đủ điều kiện giáo dục, cải tạo bị cáo, đồng thời có tác dụng đấu tranh, phòng ngừa tội phạm chung cho xã hội. Tuy nhiên, xét thấy bị cáo có nhân thân tốt, tự nguyện bồi thường toàn bộ số tiền chiếm đoạt và được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, vì vậy xem xét giảm nhẹ cho bị cáo, áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khoản 3 Điều 355 Bộ luật hình sự.

Về hình phạt bổ sung: Cần phải áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 355 Bộ luật Hình sự.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Vũ Tuấn D phải hoàn trả cho ngân sách Nhà nước, thông qua Công an tỉnh Hà Nam, với số tiền đã chiếm đoạt là 561.150.000 đồng.

Số tiền 561.150.000 đồng thu giữ trong tủ đựng tài liệu tại phòng làm việc của bị cáo Vũ Tuấn D, hiện Công an tỉnh Hà Nam quản lý trong tài khoản tạm giữ, được tính là số tiền bị cáo bồi thường, hoàn trả ngân sách Nhà nước. Công an tỉnh Hà Nam có nghĩa vụ nộp số tiền này vào ngân sách Nhà nước theo quy định của pháp luật.

[6] Về quan điểm của bị cáo và người bào chữa cho bị cáo: Như đã phân tích và lập luận như trên thì quan điểm của bị cáo và người bào chữa cho bị cáo cho rằng bị cáo Vũ Tuấn D không phải chịu trách nhiệm hình sự và trách nhiệm bồi thường đối với số tiền đã nộp cho chị T là không có căn cứ, không được Hội đồng xét xử chấp nhận. Đối với quan điểm đề nghị áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo là có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự.

[8] Các vấn đề khác:

Cơ quan Cảnh sát Điều tra đã giao số tiền 127. 850.000 đồng cho chị Phạm Thị Lan A, tại phiên tòa, bị cáo Dũng nhất trí và không yêu cầu chị Phạm Thị Lan A trả lại cho bị cáo nên không đặt ra để xem xét giải quyết.

Đối với ông Trần Nghiệp P: Trong quá trình thực hiện chức trách nhiệm vụ được giao đã thiếu trách nhiệm để Vũ Tuấn D chiếm đoạt số tiền 497.650.000 đồng, có dấu hiệu phạm tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng” quy định tại 1 điều 360 BLHS. Ngày 01/3/2021, Cơ quan CSĐT ra Quyết định bổ sung Quyết định khởi tố vụ án hình sự số 02/CSKT về tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng”. Ngày 29/6/2021, Cơ quan CSĐT ra quyết định tách vụ án hình sự số 03/CSKT, để điều tra về tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng” theo quy định pháp luật.

Đối với ông Nguyễn Văn M, Trưởng phòng Cảnh sát QLHC về TTXH (từ ngày 01/6/2013 đến ngày 30/9/2015), đã chết năm 2018; ông Nguyễn Ngọc B và ông Lại Văn T là Phó Trưởng phòng Cảnh sát QLHC về TTXH thiếu trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ, để bị cáo Vũ Tuấn D chiếm đoạt số tiền 63.500.000 đồng. Trong đó, trách nhiệm thuộc về ông M là 27.400.000 đồng, ông B là 33.700.000 đồng, ông T là 2.400.000 đồng. Cơ quan CSĐT không xử lý đối với ông Nguyễn Ngọc B và ông Lại Văn T là có căn cứ, đúng pháp luật.

Đối với các ông Nguyễn Anh V, Lê Hữu N và Nguyễn Tuấn A không biết hành vi phạm tội của bị cáo D và việc thu, nộp tiền lệ phí cấp giấy phép

vận chuyển VLNCN do bị cáo D thực hiện nên không đồng phạm với bị cáo D, Cơ quan CSĐT không xử lý là đúng quy định của pháp luật.

Đối với bà Trần Thị Diệu T: Như đã nhận định ở phần trên, không đủ căn cứ kết luận bà T biết nguồn gốc số tiền 120.000.000 đồng là do bị cáo D lấy từ nguồn thu lệ phí cấp giấy phép VLNCN và không đủ căn cứ kết luận ông Trần Nghiệp P chỉ đạo bị cáo D ủng hộ hàng tháng nộp 2.000.000 đồng cho hậu cần của Phòng QLHC về TTXH thông qua bà T. Vì vậy, không đủ căn cứ kết luận bà Trần Thị Diệu T đồng phạm với Vũ Tuấn D, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh không xử lý là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, bị cáo Vũ Tuấn D không yêu cầu bà Trần Thị Diệu T phải trả lại số tiền 120.000.000 đồng nên không đặt ra để giải quyết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 3, khoản 5 Điều 355; điểm b, s, v khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54; Điều 38; Điều 48; Điều 50 Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố bị cáo Vũ Tuấn D phạm tội “Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản”.

2. Xử phạt bị cáo Vũ Tuấn D 12 (Mười hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 12/3/2020.

3. Về hình phạt bổ sung: Phạt bị cáo Vũ Tuấn D số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) nộp ngân sách Nhà nước.

4. Về trách nhiệm dân sự:

Buộc bị cáo Vũ Tuấn D phải hoàn trả cho ngân sách Nhà nước, thông qua Công an tỉnh Hà Nam, với số tiền đã chiếm đoạt là 561.150.000 đồng (Năm trăm sáu mươi một triệu một trăm năm mươi nghìn đồng).

Số tiền 561.150.000 đồng, hiện Công an tỉnh Hà Nam quản lý trong tài khoản tạm giữ được tính là số tiền bị cáo Vũ Tuấn D hoàn trả ngân sách Nhà nước; Công an tỉnh Hà Nam có nghĩa vụ nộp số tiền này vào ngân sách Nhà nước theo quy định của pháp luật.

5. Về án phí: Bị cáo Vũ Tuấn D phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, có quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện

thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hà Nam;
- Cục THA dân sự tỉnh Hà Nam;
- Phòng Hồ sơ nghiệp vụ Công an tỉnh;
- Phòng KTNV và THA Tòa án tỉnh;
- Sở tư pháp tỉnh Hà Nam;
- Bị cáo;
- Người có QLNVLQ;
- Lưu hồ sơ, Vp Tòa, VP HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thanh Hải